

Số : 230-03/23-1.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

2/ Địa chỉ : 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Metanol*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,04 mg/Nm ³
6	Toluen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,01 mg/Nm ³
7	Xylen*	US EPA Method 0010	US EPA Method 8015D	0,015 mg/Nm ³
8	Benzen*	US EPA Method 18	US EPA Method 18	0,005 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	Metanol	Toluen	Xylen	Benzen
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
230-03/23-1.1L1. Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất thuốc sâu, bệnh dạng lỏng (X: 1118183; Y: 573992)	21	13,2	5,36	16,9	KPH	KPH	KPH	KPH
230-03/23-1.1L2. Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất thuốc cỏ dạng lỏng (X: 1118197; Y: 573985)	18	9,42	4,25	14,2	KPH	KPH	KPH	KPH
230-03/23-1.1L3. Khí thải sau hệ thống xử lý bụi và khí dây chuyền sản xuất thuốc dạng bột (X: 1118184; Y: 573991)	42	10,7	6,22	15,8	KPH	KPH	KPH	KPH
230-03/23-1.1L4. Khí thải sáu hệ thống xử lý bụi và khí dây chuyền sản xuất thuốc dạng hạt (X: 1118203; Y: 573979)	38	6,25	4,12	12,6	KPH	KPH	KPH	KPH

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

1/4

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	Metanol	Toluen	Xylen	Benzen
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
230-03/23-1.1L5. Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất thuốc dạng bã mỗi 1 (X: 1118299; Y: 573973)	45	7,82	3,85	10,6	KPH	KPH	KPH	KPH
230-03/23-1.1L6. Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải dây chuyền sản xuất thuốc dạng bã mỗi 2 (X: 1118263; Y: 573948)	40	12,5	8,41	15,8	KPH	KPH	KPH	KPH
230-03/23-1.1L7. Khí thải sau hệ thống xử lý bụi và khí thải khâu phối liệu thuốc dạng bột (X:1118286; Y=573863)	46	15,0	7,82	19,9	KPH	KPH	KPH	KPH
230-03/23-1.1L8. Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải xưởng sản xuất thuốc hạt dạng ép viên (X: 1118247; Y: 573891)	37	6,23	4,51	12,3	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) C_{max} = C x K_p x K_v với K_p=1 và K_v = 1	200	1000	500	850	-	-	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	260	750	850	5

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



Số : 230-03/23-1.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

2/ Địa chỉ : 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0÷1.200 ⁰ C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	(⁰ C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
230-03/23-1.1L9. Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tại xưởng sấy cát vo viên (X:573952; Y:1118343)	103	53	9,86	5,78	14,8
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1	-	200	1000	500	850

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Th.S. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 230-03/23-1.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

- 1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
2/ Địa chỉ : 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ
3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023
4/ Loại mẫu : 230-03/23-1.1NT.Nước thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (CỘT A)	Phương pháp phân tích
			NT1	NT2			
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-		-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,3 ⁰ C)	-	7,52	7,85	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	110	6	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	944	KPH	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	395	KPH	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	24,66	KPH	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	59,3	0,02	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	Tổng dầu, mỡ khoáng*	mg/L	9,6	KPH	0,3	5	SMEWW 5520.B& F: 2017
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	5,2	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B& F: 2017
9	Tổng Phenol*	mg/L	KPH	KPH	0,001	0,1	TCVN 6216:1996
10	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ *	mg/L	KPH	KPH	0,0005	0,3	US EPA Method 3535A + US EPA Method 8141B
11	Coliform*	MPN/100ml	7.900	250	2	3.000	TCVN 6187-2-1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

230-03/23-1.1.1NT1: Nước thải trước xử lý(X:573957; Y:1118226)

230-03/23-1.1.1NT2: Nước thải sau xử lý (X=573885 ;Y=1118303)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT: GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

4/4

Số : 230-03/23-1.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ -
XÍ NGHIỆP PHÂN BÓN CẦN THƠ

2/ Địa chỉ : 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	NH ₃ *	JIS K0099:2004-IC	JIS K0099:2004-IC	0,23 mg/Nm ³
6	H ₂ S*	IS 11255 (P4):2006	IS 11255 (P4):2006	0,98 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	H ₂ S	NH ₃
Nguồn thải	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
230-03/23-1.2L. Khí thải sau hệ thống xử lý (X: 1118269; Y: 574035)	36	12,8	5,96	10,8	KPH	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 1	200	1000	500	850	-	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	260	750

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

Số : 230-03/23-1.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ -
XÍ NGHIỆP PHÂN BÓN CẦN THƠ

2/ Địa chỉ : 51 Trương Văn Diễn, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ

3/ Thời gian lấy mẫu : 23/03/2023

4/ Loại mẫu : 230-03/23-1.2NT.Nước thải sinh hoạt hồ ga đầu nổi (X=1118255; Y=574026)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT	Phương pháp phân tích
					Cột A	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(29,9°C)	-	6,52	2 ÷ 12,5	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	20	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	26	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
4	S ²⁻ *	mg/L	KPH	0,015	1	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2017
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	1,25	0,011	5	TCVN 6179-1:1996
6	NO ₃ ⁻ (tính theo N)*	mg/L	10,6	0,013	30	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
7	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)**	mg/L	0,14	0,011	6	TCVN 6202: 2008
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,1	0,3	10	SMEWW 5520.B& F: 2017
9	Coliform*	MPN/ 100mL	2.400	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**



Quách Văn Duy

**KIỂM GIÁM ĐỌC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM
TƯ VẤN CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN VỆ SINH
LAO ĐỘNG**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/2